

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2024

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Xuân Ngọc - Hiệu trưởng trường THCS Lê Văn Tám, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị Lan - Cán bộ hưu trí thị trấn Phước An huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phan Hoàng Trúc D1, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 4 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày:

Tôi với anh Phan Hoàng Trúc D1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2018, cấp ngày 11/5/2018.

Từ khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian nhưng sau đó thì đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, to

tiếng voi snhau. Nguyên nhận là do vợ chồng tôi tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặt khác chồng tôi còn biểu hiện nghiện ngập, thường xuyên hút chích, việc này kéo dài khiến tôi cảm thấy không thoải mái và đe dọa đến sức khỏe cũng như sự an toàn của tôi và con. Do đó, chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Trước đây, tôi vì nghĩ đến con nên mới cố gắng kéo dài mối quan hệ hôn nhân ngày nhưng đến nay tôi nhận thấy không thể quay lại để tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng không còn nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Phan Hoàng Trúc D1**.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** có 01 con chung là cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018. Khi ly hôn thì chị **D** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **A** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh **Phan Hoàng Trúc D1** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi tự thỏa thuận nên không Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Hoàng Trúc D1 trình bày:**

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ tôi là cô **Trần Thị Trúc D2**.

Quá trình giải quyết tại Tòa thì bản thân tôi đã suy nghĩ nhiều lần về việc ly hôn với vợ tôi là cô **D2** nhưng tôi xác định vẫn muốn níu kéo tình cảm của hai vợ chồng và tôi không đồng ý ly hôn với cô **D2** và tôi muốn đoàn tụ với cô **D2** vì tôi muốn cháu là cháu **Phan Bình A** được phát triển bình thường, lớn lên mà vẫn có đủ cha và mẹ. Hơn nữa, tôi không đồng ý ly hôn và tôi cũng không đồng ý với việc vợ tôi cho rằng lý do để ly hôn với tôi là tôi có biểu hiện nghiện ngập, vì thực tế là cô **D2** không hề có bằng chứng gì chứng minh cho việc này. Tôi đề nghị Tòa giải quyết thấu tình đạt lý để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Nay cô **D2** yêu cầu ly hôn với tôi, tôi không đồng ý ly hôn với cô **Trần Thị Ngọc D**.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị **Trần Thị Ngọc D** và tôi có 01 con chung là cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018. Khi ly hôn thì cô **D** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **A** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cô **Trần Thị Ngọc D** không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng.

Tuy nhiên, do tôi không đồng ý ly hôn với cô **Trần Thị Ngọc D** nên tôi không đồng ý với nguyện vọng của cô **Trần Thị Ngọc D** về con chung, Nguyên vọng của tôi là cả hai vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Phan Bình A** cho tới khi cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi muốn hai vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với vợ tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về vấn đề này.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình:

Về quan hệ hôn nhân cho chị **Trần Thị Ngọc D** được ly hôn với anh **Phan Hoàng Trúc D1**.

Về con chung: Giao cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018 cho chị **Trần Thị Ngọc D** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **A** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Trần Thị Ngọc D** không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Ngọc D** không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị **Trần Thị Ngọc D**, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị **Trần Thị Ngọc D** khởi kiện xin ly hôn anh **Phan Hoàng Trúc D1** có địa chỉ tại **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2018, cấp ngày 11/5/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị **D** và anh **D1** là hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** chung sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2024 thì chị **D** và anh **D1** xảy ra mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã.

Nguyên nhân là do vợ chồng tôi tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặt khác chị **D** còn cho rằng chồng chị là anh **D1** còn biểu hiện nghiện ngập, thường xuyên hút chích, việc này kéo dài khiến chị cảm thấy không thoải mái và đe dọa đến sức khỏe cũng như sự an toàn của chị và con. Hiện nay, chị và anh **D1** đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thì bị đơn **Phan Hoàng Trúc D1** không nhất trí với lời trình bày của chị **Trần Thị Ngọc D** về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân vì có nhiều nội dung là chưa đúng sự thật và bị đơn anh **D1** không đồng ý ly hôn với chị **D**.

Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: “*Quá trình giữa anh **Phan Hoàng Trúc D1** và chị **Trần Thị Ngọc D** có xảy ra mâu thuẫn hay không thì đại diện **ban T** không nắm rõ thông tin vì anh **D1**, chị **D** không đề nghị hòa giải tại địa phương. Tuy nhiên, theo thông tin mà ban tự quản thôn nắm rõ và biết được thì hiện nay chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** không còn chung sống với nhau nữa*”

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thì mặc dù bị đơn anh **Phan Hoàng Trúc D1** vẫn muốn níu kéo tình cảm của hai vợ chồng và anh **D1** không đồng ý ly hôn với chị **D** vì anh **D1** muốn cháu là cháu **Bình A** được phát triển bình thường, lớn lên mà vẫn có đủ cha và mẹ.

Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương về việc bất hòa trong cuộc sống hôn nhân cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **D**, anh **D1** đã mâu thuẫn trầm trọng.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xác định được: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã hoàn toàn bỏ mặc nhau, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.*”

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **D**, anh **D1** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị **Trần Thị Ngọc D** ly hôn anh **Phan Hoàng Trúc D1** là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** có một con chung là cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà vụ án chị **D** có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **L** đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **D1** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do anh **D1** không đồng ý ly hôn với chị **Trần Thị Ngọc D** nên không đồng ý với nguyện vọng của chị **Trần Thị Ngọc D** về con chung.

Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương vào ngày 19/6/2024 cho thấy: “*Quá trình chung sống thì anh **D1**, chị **D** có 1 con chung là cháu **Phan Bình A**, cháu **A** hiện đang ở nhà ông bà nội, ngoại cùng tại thôn **T**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk**. Chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** đều là lao động tự do, tự mở kinh doanh buôn bán cà phê, nước giải khát các loại còn về thu nhập của anh **D1**, chị **D** là bao nhiêu thì đại diện ban tự quản không nắm rõ được.*

Đồng thời, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và đã được Tòa án thu thập, cho thấy: “Chị **Trần Thị Ngọc D** là lao động tự do, công việc chính là vừa là chủ quán và vừa trực tiếp tự đứng ra để kinh doanh buôn bán cà phê, nước giải khát các loại. Về thu nhập thì theo doanh số hàng ngày thu nhập sau khi đã trừ chi phí thì dao động từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng / ngày. Còn anh **D1** cũng là lao động tự do, công việc chính là chủ quán kinh doanh buôn bán cà phê, nước giải khát các loại tại thành phố **B**, về thu nhập thì không cố định nhưng dao động 1 tháng là từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng”.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị **D** và anh **D1** đều có công ăn việc làm, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy nữa từ nhỏ cho đến nay, cháu **A** đều ở tại nhà ông bà nội ngoại tại Thôn **T**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk**. Hiện chị **Trần Thị Ngọc D** vẫn đang ở tại địa chỉ này. Còn anh **Phan Hoàng Trúc D1** thì lại đang tạm trú nhiều nơi, quá trình giải quyết vụ án thì anh **Phan Hoàng Trúc D1** lúc thì tạm trú tại **5 T**, thành phố **B**, tỉnh **Đắk Lắk**. Lúc thì lại thay đổi sang địa chỉ tạm trú tại **4 P**, thành phố **B**, tỉnh **Đắk Lắk**. Thậm chí, sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì khi tổng đạt quyết định cho bị đơn anh **Phan Hoàng Trúc D1** thì được biết anh **D1** lại đi xuống thành phố Hồ Chí Minh để làm, không còn các địa chỉ tạm trú nêu trên. Như vậy, anh **D1** làm công việc tự do, lại hay di chuyển nhiều nơi nên không có nhiều thời gian gần gũi, chăm sóc con cái.

Điều này cho thấy nếu xét về điều kiện chỗ ở thì chị **D** có chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện hơn anh **D1** trong việc quan tâm, nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018, tức mới 06 tuổi. Do vậy, Tòa án chưa thể cho cháu **A** viết bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai của cháu để biết ý kiến và nguyện vọng của cháu muốn được ở với ai. Mặc dù chị **D** có nguyện vọng được nhận nuôi con chung còn anh **D1** không đồng ý ly hôn nên không đồng ý với nguyện vọng của chị **D** về con chung.

Theo khoản 2 Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Chính vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó, cần giao cháu **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018 cho chị **Trần Thị Ngọc D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị **Trần Thị Ngọc D** không yêu cầu anh **Phan Hoàng Trúc D1** cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị **Trần Thị Ngọc D** và anh **Phan Hoàng Trúc D1** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị **Trần Thị Ngọc D** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Ngọc D**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Ngọc D** được ly hôn với anh **Phan Hoàng Trúc D1**.

- Về nuôi con chung: Giao con chung **Phan Bình A**, sinh ngày 01/8/2018 cho chị **Trần Thị Ngọc D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Phan Hoàng Trúc D1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị **Trần Thị Ngọc D** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[2] Về án phí: Chị **Trần Thị Ngọc D** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0005563 ngày 07 tháng 3 năm 2024.

[3] Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Tâm